

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST

Ngày: 24-01-2022.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hồng Lợi.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021, về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đồng Thị Thuý N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền: Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Phạm Văn S, sinh năm 1968.

Nguyễn Thị Thuý T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

(*Chị N, anh S có mặt; chị T có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đồng Thị Thuý N, chị Đỗ Thị Thu N trình bày:**

Năm 2018, anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị Thuý T mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng bán thức ăn gia súc T do chị Đồng Thị Thuý N làm chủ; đến ngày 01/01/2020, anh S và chị T nợ chị N 248.283.000 đồng; ngày 10/3/2020 trả 40.000.000 đồng; đến ngày 28/02/2021 trả tiếp 20.000.000 đồng;

hiện nay anh S, chị T còn nợ chị N 188.283.000 đồng. Do anh S, chị T chậm trả tiền, nên chị N yêu cầu anh S và chị T liên đới trả 188.283.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 28/02/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, chị N (đại diện của chị N) yêu cầu anh S và chị T liên đới trả cho chị N 188.283.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 28/02/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2022 là 10 tháng 25 ngày, số tiền lãi là 16.929.000 đồng; tổng cộng vốn và lãi là 205.929.000 đồng; yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn S trình bày:**

Năm 2018, anh S và chị T có mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng bán thức ăn gia súc T do N làm chủ để nuôi gà; đến ngày 01/01/2020 nợ chị N 248.283.000 đồng; ngày 10/3/2020 trả 40.000.000 đồng; đến ngày 28/02/2021 trả tiếp 20.000.000 đồng; hiện nay còn nợ chị N 188.283.000 đồng. Do chăn nuôi gà thua lỗ; nên chưa trả tiền cho chị N.

Tại phiên tòa, anh S đồng ý trả cho chị N 188.283.000 đồng, yêu cầu trả dần tiền mỗi năm 50.000.000 đồng; thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ; không đồng ý trả tiền lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị Thủy T có đơn xin vắng mặt; theo bản tự khai ngày 05/01/2022, chị T trình bày:**

Chị T và anh S có mua thức ăn của chị N để chăn nuôi còn nợ chị N 188.283.000 đồng. Chị T yêu cầu trả nợ cho chị N mỗi năm 50.000.000 đồng, kể từ tháng 01/2022; xin miễn trả tiền lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc anh S và chị T liên đới trả cho chị N 188.283.000 đồng và tiền lãi; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng mua bán tài sản”, nên áp dụng giải quyết theo các điều 430 và 440 Bộ luật dân sự.

[2] Xét thấy bị đơn chị Nguyễn Thị Thủy T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập dự phiên tòa hợp lệ, đúng quy định của pháp luật; tuy nhiên chị T có đơn xin vắng mặt và có lời khai thể hiện ý kiến. Do đó xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Anh S và chị T thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi gia súc T còn nợ chị N 188.283.000 đồng; anh S, chị T chậm trả tiền. Do đó, chị N yêu cầu anh S và chị T liên đới trả 188.283.000 đồng là có cơ sở; nên chấp nhận.

- Về lãi suất: Chị N yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 188.283.000 đồng, tính từ ngày 28/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2022 (10 tháng 25 ngày) là có cơ sở. Bởi lẽ, anh S, chị T vi phạm thời gian trả tiền, nên phải chịu trả tiền lãi. Chị N yêu cầu tính lãi suất như trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự; nên chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 188.283.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng 25 ngày = 16.929.779 đồng.

- Về thời gian trả tiền: Chị N (đại diện ủy quyền của chị N) yêu cầu anh S và chị T liên đới trả 205.212.000 đồng (trong đó vốn 188.283.000 đồng và lãi là 16.929.000 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật; anh S và chị T đồng ý trả số tiền vốn 188.283.000 đồng, yêu cầu trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng; không đồng ý trả tiền lãi. Xét yêu cầu của anh S và chị T như trên là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, thiệt thòi quyền lợi cho chị N. Chị N (đại diện ủy quyền của chị N) không đồng ý; nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc anh S và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N 205.212.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Anh S và chị T phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét anh S, chị T có đơn yêu cầu miễn, giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B, nên xét miễn nộp 50% án phí dân sự sơ thẩm cho anh S và chị T.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 430, 440; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị Thuý N.

- Buộc anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị Thuý T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đồng Thị Thuý N số tiền 205.212.000 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu hai trăm mười hai ngàn đồng*), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại

khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Anh S và chị T phải liên đới chịu 5.130.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị N tiền tạm ứng án phí 5.645.000 đồng theo biên lai số 0005849 ngày 15/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Chị N, chị N (đại diện ủy quyền của chị N), anh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu